

Số: 216 /BC-STC

Đăk Nông, ngày 14 tháng 11 năm 2018

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2018**

Thực hiện Công văn số 4096/UBND-NC, ngày 02/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Nông, về việc quy định chế độ báo cáo công tác CCHC theo định kỳ; Sở Tài chính báo cáo tình hình thực hiện công tác Cải cách hành chính (CCHC) năm 2018 tại đơn vị, cụ thể như sau:

#### **I. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính (CCHC):**

##### **1. Về xây dựng kế hoạch và tổ chức, chỉ đạo, điều hành CCHC:**

Xác định tầm quan trọng của công tác CCHC trong việc nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động, Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2018 (*ban hành kèm theo Kế hoạch số 1805/KH-STC ngày 13/9/2017, về việc triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2018*). Kế hoạch gồm 6 lĩnh vực, 13 kết quả đầu ra, 14 hoạt động cụ thể, rõ ràng và có bố trí kinh phí thực hiện.

Thực hiện Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh Đăk Nông, về việc phát động phong trào thi đua đẩy mạnh cải cách TTHC giai đoạn 2017-2020, Sở Tài chính đã xây dựng Kế hoạch số 1241/KH-STC ngày 07/7/2017, về phát động phong trào thi đua đẩy mạnh cải cách TTHC Sở Tài chính tỉnh Đăk Nông, giai đoạn 2017-2020. Bên cạnh đó, Sở đã ban hành một số văn bản khác để chỉ đạo, điều hành về CCHC, bao gồm:

- Kế hoạch số 1296/KH-STC ngày 01/8/2016 của Sở Tài chính tỉnh Đăk Nông, ban hành Kế hoạch cải thiện chỉ số PAPI giai đoạn 2016-2020.

- Kế hoạch số 1917/KH-STC ngày 11/10/2016, về ban hành Kế hoạch cải thiện Chỉ số chi phí thời gian thực hiện các quy định của Nhà nước giai đoạn 2016-2020.

- Kế hoạch số 1609/KH-STC ngày 15/9/2016, về hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Sở Tài chính giai đoạn 2016-2017, định hướng đến năm 2020.

- Kế hoạch số 1595/STC-KH ngày 22/8/2017, về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch CCHC năm 2018.

- Công văn số 1926/STC-VP ngày 28/9/2017, về việc xây dựng Kế hoạch cải thiện Chỉ số chi phí thời gian thực hiện các quy định của Nhà nước và Kế hoạch cải thiện chỉ số PAPI năm 2018 của Sở Tài chính.

- Kế hoạch số 112-KH/ĐU ngày 06/11/2017 Kế hoạch thực hiện CCHC giai đoạn năm 2016-2020.

- Công văn số 920/STC-VP ngày 7/5/2018 về việc nâng cao hiệu quả tiếp nhận và giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức tại Sở Tài chính.
- Công văn số 1042/STC-VP ngày 21/5/2018 về việc báo cáo định kỳ công tác cải cách hành chính.
- Công văn số 1358/STC-VP ngày 19/6/2018 V/v sử dụng Chữ ký số và Hệ thống phần mềm một cửa điện tử (iGate) để giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực giải quyết của Sở Tài chính.
- Công văn số 59-CV/ĐU ngày 29/6/2018 về việc tăng cường lãnh đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các tổ chức đoàn thể trong công tác CCHC.
- Kế hoạch số 1475/STC-KH ngày 29/6/2018, về việc cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2018 của Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông.
- Công văn số 1483/STC-VP ngày 02/7/2018, về việc triển khai thực hiện Thông báo số 187/TB-VPCP ngày 23/5/2018.
- Công văn số 1759/STC-VP ngày 31/7/2018, về việc tuyên truyền các văn bản của cấp trên về công tác đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
- Công văn số 1947/STC-VP ngày 21/8/2018 V/v đôn đốc việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống QLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008.
- Công văn số 1603/STC-QLNS ngày 23/8/2018 về việc triển khai đề án nâng cao chất lượng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI trong lĩnh vực Tài chính.
- Công văn số 2018/STC-VP ngày 10/9/2018 triển khai thực hiện Kế hoạch cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC tỉnh năm 2018.
- Công văn số 2651/STC-VP ngày 12/11/2018 triển khai thực hiện đề án PCI năm 2019.

Về phân công trách nhiệm trong công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: Thực hiện phân công cụ thể tại tại Thông báo số 86/TB-STC ngày 22/6/2017 của Sở Tài chính về việc phân công nhiệm vụ công tác đối với Lãnh đạo Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông; Điểm a khoản 1 Điều 6 Chương II Quyết định số 24/QĐ-STC ngày 03/4/2017 của Sở Tài chính.

Đảng ủy và Ban Giám đốc Sở Tài chính thường xuyên chỉ đạo quán triệt, phổ biến nhanh chóng, kịp thời các văn bản chỉ đạo của cấp trên về công tác CCHC đến CBCC nhằm nâng cao trách nhiệm của mỗi CBCC trong công tác CCHC. Lấy kết quả thực hiện Kế hoạch CCHC hàng năm của các phòng chuyên môn làm một cơ sở để xét đánh giá thi đua khen thưởng cuối năm. Hàng quý, tổ chức làm việc tập thể để xem xét, đánh giá công tác CCHC.

## **2. Về kiểm tra công tác CCHC:**

Đơn vị đã ban hành Kế hoạch số 2777/KH-STC ngày 29/12/2017 về việc tự kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2018 tại Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông.

Công tác tự kiểm tra được thực hiện thường xuyên, trong các cuộc họp giao ban thường kỳ, Đảng ủy và Ban Giám đốc Sở Tài chính thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở các phòng, ban chuyên môn thuộc Sở thực hiện nghiêm túc Kế hoạch CCHC năm 2018 nhằm đạt mục tiêu đề ra (Kiểm tra thường xuyên đối với 07/07 phòng, ban chuyên môn thuộc Sở; tỷ lệ đạt 100% so với kế hoạch).

Xử lý những vấn đề qua việc tự kiểm tra: giải quyết thủ tục hành chính bị trễ hạn đối với 12 hồ sơ (Sở Tài chính đã có báo cáo giải trình cụ thể gửi UBND tỉnh tại Công văn số 1432/CV-VP ngày 26/6/2018). Trong đó: có 9 hồ sơ Quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước, trễ hạn là do đơn vị nộp hồ sơ chưa đầy đủ, Sở Tài chính đã có văn bản đề nghị đơn vị nộp bổ sung, nhưng do đơn vị nộp bổ sung muộn nên dẫn đến trả kết quả chậm so với thời gian. Hiện tại thủ tục này đã được bãi bỏ tại Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của UBND tỉnh; 03 hồ sơ trễ hạn thuộc lĩnh vực Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách trong lĩnh vực đầu tư, đơn vị đã có thư xin lỗi. Đến thời điểm hiện tại đơn vị không có tồn tại mới. Tỷ lệ 100% hoàn thành kế hoạch.

Cung cấp tài liệu và báo cáo các nội dung theo yêu cầu cho các Đoàn kiểm tra trong các đợt kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến công tác CCHC tại đơn vị.

### **3. Về công tác tuyên truyền CCHC:**

Sở Tài chính luôn thực hiện tuyên truyền cải cách hành chính của ngành đến tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh bằng hình thức: Thiết lập trang chuyên mục CCHC trên Trang thông tin điện tử, công khai trên Trang thông tin điện tử và niêm yết các quy trình thực hiện thủ tục hành chính, cách thức thực hiện phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và hành vi hành chính; thu thập thông tin phản hồi từ tổ chức, cá nhân như: Sổ góp ý, địa chỉ tiếp nhận, số điện thoại, email; tuyên truyền các văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác CCHC của Chính phủ, Bộ, ngành, Trung ương, của tỉnh; quán triệt nội dung CCHC cho đội ngũ CBCC thuộc thẩm quyền quản lý.

Triển khai Kế hoạch CCHC năm 2018 của Sở Tài chính đến các phòng, ban chuyên môn thuộc Sở, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện đạt 100% Kế hoạch đã đề ra. Đồng thời, triển khai xây dựng Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2018 theo quy định.

Giám đốc Sở Tài chính đã ban hành văn bản số: 920/STC-VP ngày 07/5/2018 về việc nâng cao hiệu quả tiếp nhận và giải quyết TTHC cho các cá nhân, tổ chức; 1179/STC-VP ngày 31/5/2018 về nâng cao hiệu quả tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. Đồng thời, đơn vị đã thực hiện tuyên truyền "*Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông: Quyết tâm rà soát, trình UBND tỉnh phê duyệt cắt giảm 20% thời gian giải quyết so với quy định đối với các TTHC chưa được phê duyệt cắt giảm thời gian*" bằng hình thức treo băng rôn tại đơn vị từ ngày 31/5/2018 đến ngày 15/6/2018; 1946/STC-VP ngày 22/8/2018 về việc rà soát và tham mưu công bố thủ tục hành chính đầy đủ, kịp thời và đúng thẩm quyền.

Tỷ lệ hoàn thành 100% kế hoạch đã ban hành.

## **II. Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính:**

### **1. Về Cải cách thể chế:**

#### *1.1. Xây dựng và ban hành các văn bản QPPL:*

Lãnh đạo Sở thường xuyên chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn thuộc Sở tiếp tục thực hiện nghiêm túc chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND tỉnh được giao chủ trì soạn thảo năm 2018. Công tác xây dựng và ban hành văn bản QPPL thực hiện theo đúng quy trình, đảm bảo tính khả thi và hiệu lực. Đồng thời, tham gia góp ý đầy đủ kịp thời dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu của các đơn vị chủ trì soạn thảo.

#### *1.2. Ban hành Kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra và rà soát các VBQPPL:*

Xây dựng Kế hoạch số 2774/KH-STC ngày 29/12/2017 về việc kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2018 tại Sở Tài chính, đồng thời, chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch. Đơn vị đã tham mưu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố ban hành mới, bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính, bãi bỏ các Quyết định số: 216/QĐ-UBND ngày 06/2/2018; 516/QĐ-UBND ngày 13/4/2018; 760/QĐ-UBND ngày 22/5/2018.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 về việc quy định cụ thể mức chi hỗ trợ đối với cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Đăng ký chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại các văn bản số: 1553/STC-HCSN ngày 09/7/2018; 1890/STC-HCSN ngày 15/8/2018; 1904/STC-QLNS ngày 16/8/2018.

- Tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 về việc Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và mức chi thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông tại Tờ trình số 5420/TTR-UBND ngày 26/10/2018.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 03/2007/NQ-HĐND ngày 25/7/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông tại Tờ trình số 5579/TTR-UBND ngày 05/11/2018 về việc bãi bỏ Nghị quyết số 03/2007/NQ-HĐND ngày 25/7/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 5186/UBND-KTKH ngày 06/10/2016, phòng đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 17/01/2018 về việc Quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 1782/UBND-KTKH ngày 10/4/2017, phòng đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 về việc quy định các loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 5186/UBND-KTKH ngày 06/10/2016, phòng đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 17/01/2018 về việc Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 6657/UBND-KTKH ngày 24/11/2017, phòng đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 21/03/2018 về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2018 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại 1622/UBND-KTKH ngày 10/04/2018, phòng đã trình UBND tỉnh tại Tờ trình số 189/TTr-STC ngày 30/10/2018 về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 1236/UBND-KTKH ngày 20/3/2018 về việc xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh, Sở Tài chính đã có Tờ trình số 172/TTr-STC ngày 01/10/2018 trình UBND tỉnh nhưng đến nay vẫn chưa có ý kiến của UBND tỉnh.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua dự toán NSNN tỉnh Đắk Nông năm 2019 tại Công văn 2521/STC-QLNS ngày 29/10/2018; Quyết toán NSDP năm 2017 đảm bảo thời gian theo quy định tại Công văn số 2522/STC-QLNS ngày 29/10/2018; Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 tại Tờ trình số 176/TTr-STC ngày 15/10/2018, đảm bảo thời gian theo quy định.

Hoàn thành 100% kế hoạch đã ban hành.

*1.3. Tình hình tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản QPPL tại đơn vị, địa phương thuộc thẩm quyền quản lý:*

Sở Tài chính thường xuyên tự kiểm tra các văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành có liên quan đến lĩnh vực Tài chính để kịp thời trình UBND tỉnh ban

hành văn bản mới sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật và thực tế địa phương. Phối hợp với Sở Tư pháp rà soát văn bản QPPL theo yêu cầu.

Trong năm 2018, đơn vị đạt 100% văn bản quy phạm pháp luật được triển khai đúng quy định và thẩm quyền các văn bản QPPL của Trung ương và địa phương; tiếp tục rà soát các văn bản ngưng hiệu lực và triển khai các văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh Đắk Nông đang còn hiệu lực.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính:**

### **2.1. Rà soát, đánh giá TTHC:**

#### **a) Ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC:**

Ban hành Kế hoạch số 2773/STC-KH ngày 29/12/2017 về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2018 tại Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông; Thực hiện việc kiểm soát TTHC tại đơn vị theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ, về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC.

#### **b) Ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC:**

Ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông năm 2018. Đơn vị đã đăng ký danh mục rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2018 tại Công văn số 2652/STC-VP ngày 21/12/2017 gồm 14 thủ tục; trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch cắt giảm 20% thời gian giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị tại Công văn số 1448/STC-VP ngày 27/6/2018 và công văn số 1179/STC-VP ngày 31/5/2018 gồm 44 thủ tục và đã được công bố tại Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của UBND tỉnh.

Các quy định, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được rà soát thường xuyên nhằm phát hiện kịp thời những mâu thuẫn, chồng chéo trong quá trình giải quyết, tạo sự thuận lợi cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trong việc tiếp cận và thực hiện các thủ tục hành chính. Thường xuyên rà soát để sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các thủ tục hành chính đã lỗi thời, không còn phù hợp với quy định hiện hành.

#### **c) Về công khai thủ tục hành chính:**

- Thực hiện niêm yết, công khai đầy đủ Bộ thủ tục hành chính, phí và lệ phí và thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính (100% số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính được công khai/công bố) bằng nhiều hình thức: trên trang Thông tin điện tử của tỉnh, trang Thông tin điện tử của Sở, niêm yết tại tiền sảnh cơ quan và tại Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông; niêm yết, công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và cá nhân khi liên hệ công việc.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố ban hành mới 22 thủ tục, bãi bỏ 07 thủ tục (Quyết định số: 216/QĐ-UBND ngày 06/2/2018; 516/QĐ-UBND ngày 13/4/2018; 760/QĐ-UBND ngày 22/5/2018; Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của UBND tỉnh).

d) Tình hình thực hiện Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 05/01/2017 của UBND tỉnh:

+ Các trường hợp vi phạm Chỉ thị: Không.

+ Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp về quy định, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính: Từ đầu năm 2018 đến nay, Sở Tài chính không nhận được phản ánh, kiến nghị đối với quy định, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết. Do đó, đánh giá xử lý hoàn thành đạt 100%.

### *2.2. Thực hiện cơ chế một cửa:*

Tiếp tục thực hiện tiếp nhận, trả kết quả TTHC tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông theo Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc thành lập Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông.

Kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông: trong năm 2018 giải quyết thủ tục hành chính bị trễ hạn đối với 12 hồ sơ (Sở Tài chính đã có báo cáo giải trình cụ thể gửi UBND tỉnh tại Công văn số 1432/CV-VP ngày 26/6/2018).

Trong đó: có 9 hồ sơ Quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước, trễ hạn là do đơn vị nộp hồ sơ chưa đầy đủ, Sở Tài chính đã có văn bản đề nghị đơn vị nộp bổ sung, nhưng do đơn vị nộp bổ sung muộn nên dẫn đến trả kết quả chậm so với thời gian. Hiện tại thủ tục này đã được bãi bỏ tại Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của UBND tỉnh; 03 hồ sơ trễ hạn thuộc lĩnh vực Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách trong lĩnh vực đầu tư. Đơn vị đã có thư xin lỗi đối với các trường hợp của 12 hồ sơ trễ hạn. Các tồn tại phát sinh đã được giải quyết và trong 6 tháng cuối năm và đến thời điểm hiện tại đơn vị đã giải quyết TTHC đảm bảo thời gian quy định.

## **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước:**

*3.1. Rà soát việc bố trí CBCC theo đúng quy định về vị trí việc làm, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của cơ quan:*

Thực hiện Kế hoạch số 300/KH-UBND ngày 20/6/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc triển khai Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ và Chương trình hành động số 26-CT/TU ngày 8/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: đơn vị đã xây dựng Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy của Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (Đề án số 1941/ĐA-STC ngày 21/8/2018 của Sở Tài chính) đã trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Lãnh đạo cơ quan, đơn vị thường xuyên chỉ đạo thực hiện việc rà soát chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban thuộc Sở, không để tình trạng chồng chéo,

trùng lắp nhằm hoàn chỉnh bộ máy hành chính của Sở ngày càng tinh gọn, khoa học, đáp ứng hiệu quả hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao; thực hiện bố trí sắp xếp CBCC phù hợp với Đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đảng ủy Sở thường xuyên chấn chỉnh lề lối làm việc và thực thi công vụ của cán bộ, công chức.

Sở Tài chính đã ban hành:

- Kế hoạch số 611/KH-STC ngày 23/4/2014 về kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác và luân chuyển nội bộ đối với cán bộ, công chức thuộc Sở Tài chính.

- Quyết định số 11/QĐ-STC ngày 24/02/2017 về Quyết định phê duyệt quy hoạch cán bộ đối với các chức danh Trưởng phòng, phó trưởng phòng thuộc Sở Tài chính.

- Công văn số 765/STC-VP ngày 17/4/2018 của Sở Tài chính về việc thẩm định bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí làm việc theo Quyết định số 2057/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 của Bộ Nội vụ; Công văn số 1773/STC-VP ngày 01/8/2018 về đề nghị thẩm định bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí làm việc.

- Đề án số 2496/ĐA-STC ngày 23/10/2018 về sắp xếp tổ chức bộ máy của Sở Tài chính theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (thay thế Đề án số 1941/ĐA-STC ngày 21/8/2018 của Sở Tài chính theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh).

Đồng thời Sở Tài chính đã thực hiện các báo cáo: 320/STC-VP ngày 08/2/2018 về báo cáo tổng kết, đánh giá thi hành Luật cán bộ công chức; 2471/STC-VP ngày 19/10/2018 về báo cáo công tác sắp xếp bộ máy của Sở Tài chính; 2513/STC-VP ngày 25/10/2018 về báo cáo Chỉ thị số 28/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thực trạng đáp ứng tiêu chuẩn bồi dưỡng CBCC đang giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và quy hoạch chức vụ lãnh đạo, quản lý.

### *3.2. Kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của cơ quan:*

Việc ban hành Kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra, kết quả xử lý vấn đề đặt ra sau kiểm tra: được quy định tại Điều 8 - Quyết định số 24/QĐ-STC ngày 03/4/2017 của Giám đốc Sở Tài chính về việc ban hành Quy chế làm việc và chức năng nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc Sở Tài chính.

Việc đánh giá tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc, các quy định của cơ quan, việc triển khai quy chế dân chủ cơ sở được Giám đốc Sở Tài chính định kỳ hàng tuần (thứ 2 hoặc thứ 6 hàng tuần) tổ chức họp giao ban đã triển khai Kiểm tra, Rà soát, Đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ trong tuần của từng phòng, ban; các phòng, ban nêu những khó khăn, vướng mắc đề nghị lãnh đạo Sở chỉ đạo thực hiện và triển khai nhiệm vụ tuần kế tiếp (thành phần tham dự gồm Ban Giám đốc, Trưởng, phó các phòng chuyên môn thuộc Sở).

Kết quả: hoàn thành 100% các nhiệm vụ được giao trong năm 2018 theo kế hoạch ban hành.

### 3.3. Thực hiện phân cấp quản lý:

Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức triển khai công tác phân cấp quản lý nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ, UBND tỉnh, cụ thể như sau:

Công tác phân cấp quản lý nhà nước là một nhiệm vụ chính trị quan trọng nhằm định hướng cho các cấp chính quyền, ngành chức năng nắm vững chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phân cấp quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, nâng cao vai trò, trách nhiệm của mình. Việc phân cấp đã tạo điều kiện thuận lợi cho Sở Tài chính nói riêng và các cơ quan, ban, ngành nói chung phát huy được quyền tự chủ, tính chủ động sáng tạo, sâu sát trong thực tiễn, bố trí kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực được giao phù hợp với tình hình thực tế. Đơn vị đã xây dựng Chương trình, kế hoạch lồng vào Chương trình công tác trọng tâm năm 2018 của Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông (Thông báo số 34/TB-STC ngày 13/02/2018 của Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông). Định kỳ, Sở Tài chính tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm và báo cáo UBND tỉnh đảm bảo theo quy định.

Các nội dung phân cấp thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý: Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách tỉnh Đắk Nông giai đoạn năm 2017-2020; Quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2017-2020; phân cấp trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Đánh giá kết quả thực hiện: Việc phân cấp phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, trình độ quản lý của từng vùng, từng cấp quản lý; hạn chế việc bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới; đảm bảo cho các cấp chính quyền chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao; khuyến khích các cấp tăng cường quản lý thu, chống thất thu; nguồn thu gắn liền với vai trò quản lý của cấp chính quyền nào thì phân cấp cho ngân sách cấp chính quyền đó; tăng cường nguồn lực cho ngân sách xã.

Ngân sách cấp tỉnh giữ vai trò chủ đạo, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ quan trọng trên địa bàn tỉnh, hỗ trợ những huyện, thị xã chưa thể cân đối được thu, chi ngân sách; đảm bảo sự công bằng, công khai minh bạch, phát triển cân đối giữa các khu vực trên địa bàn để chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo tập trung điều hành của ngân sách các cấp trong phạm vi địa phương.

Hạn chế phân cấp cho nhiều cấp ngân sách đối với các nguồn thu có quy mô nhỏ; đảm bảo ngân sách xã, thị trấn được phân chia nguồn thu từ các khoản: thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh; thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình; lệ phí trước bạ nhà, đất.

Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo; việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp đảm bảo nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải đảm bảo trong phạm vi ngân sách theo phân cấp.

Văn bản của Trung ương và địa phương trong việc triển khai phân cấp thuộc lĩnh vực ngành quản lý: Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày của Bộ Tài chính ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước; Luật quản lý sử dụng tài sản công; Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017; Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 về ban hành chương trình công tác trọng tâm năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Nông.

#### **4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức:**

##### *4.1. Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu CBCCC:*

Tiếp tục rà soát đội ngũ công chức, viên chức hiện có, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tiêu chuẩn của từng chức danh, vị trí công tác, các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thực tế công tác, độ tuổi, mức độ hoàn thành nhiệm vụ để làm cơ sở cho việc luân chuyển, điều động, bổ nhiệm theo cơ cấu.

Đơn vị đã ban hành: Kế hoạch số 611/KH-STC ngày 23/4/2014 về kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác và luân chuyển nội bộ đối với cán bộ, công chức thuộc Sở Tài chính; Công văn số 765/STC-VP ngày 17/4/2018 của Sở Tài chính về việc thẩm định bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí làm việc theo Quyết định số 2057/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 của Bộ Nội vụ; Công văn số 1773/STC-VP ngày 01/8/2018 về đề nghị thẩm định bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí làm việc; Đề án số 2496/ĐA-STC ngày 23/10/2018 về sắp xếp tổ chức bộ máy của Sở Tài chính theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

##### *4.2. Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức:*

Sở đã thực hiện đúng theo các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng đánh giá cán bộ, công chức và các quy định về tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức trong cơ quan; trong năm 2018 đơn vị không tuyển dụng CBCCC.

##### *4.3. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCC:*

Xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được phân công, yêu cầu đặt ra cho việc đào tạo, bồi dưỡng CBCCC, hàng năm, Lãnh đạo Sở đã chỉ đạo bộ phận tham mưu công tác tổ chức, cán bộ thuộc Văn phòng Sở chủ trì, phối hợp với các phòng thuộc Sở thực hiện việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của cơ quan để đăng ký, báo cáo cơ quan có thẩm quyền, làm cơ sở triển khai thực hiện. Sở cũng đã ban hành Kế hoạch số 616/KH-STC ngày 23/5/2013 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch đến năm 2015 và những năm tiếp theo; Xây dựng quy hoạch đào tạo sau đại học giai đoạn 2015-2020 ban hành kèm theo Báo cáo số 316/BC-STC ngày 05/8/2014; Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCC năm 2018 cụ thể tại Công văn số 1942/STC-VP ngày 29/9/2017; triển khai

xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCC năm 2019 cụ thể tại Công văn số 2587/STC-VP ngày 05/11/2018.

Việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm và giai đoạn tại đơn vị luôn bám sát mục tiêu chung của việc đào tạo, bồi dưỡng CBCC đã được UBND tỉnh phê duyệt. Cơ quan luôn tạo điều kiện, khuyến khích cán bộ, công chức tự học tập để nâng cao kiến thức, trình độ và năng lực công tác.

#### *4.4. Tình hình thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác theo định kỳ:*

Thực hiện quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2015-2020 và giai đoạn 2020-2025 theo quy định.

Ngày 23/4/2014 Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch số 611/KH-STC về việc chuyển đổi vị trí công tác và luân chuyển nội bộ đối với cán bộ, công chức thuộc Sở tài chính tỉnh Đắk Nông năm 2014 và những năm tiếp theo.

Trong năm 2018 (tính tới thời điểm hiện tại, tháng 11/2018) Giám đốc Sở Tài chính đã tiến hành luân chuyển đối với 4 trường hợp CBCC; dự kiến đến hết năm 2018 sẽ tiến hành công tác sáp nhập từ 7 Phòng xuống còn 5 Phòng theo Đề án đã trình cấp thẩm quyền phê duyệt (Đề án số 2496/ĐA-STC ngày 23/10/2018 về sắp xếp tổ chức bộ máy của Sở Tài chính theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả).

#### *4.5. Nâng cao trách nhiệm, kỷ luật kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ:*

Đảng ủy, Chính quyền Sở tiếp tục chỉ đạo, lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn thuộc Sở và tập thể đội ngũ cán bộ, công chức và người lao động thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 07/8/2013 của UBND tỉnh Đắk Nông. Đồng thời, trong các cuộc họp giao ban hàng tuần, Lãnh đạo Sở thường xuyên quán triệt, nhắc nhở việc chấn chỉnh lề lối làm việc và thực thi công vụ của cán bộ, công chức trong cơ quan. Lãnh đạo Sở và lãnh đạo các phòng chuyên môn luôn nâng cao tinh thần, trách nhiệm gương mẫu đi đầu, chấp hành thời gian làm việc theo quy định.

Sau khi triển khai thực hiện Chỉ thị số 17, cán bộ, công chức và người lao động tại đơn vị đã nâng cao được nhận thức việc chấp hành thời gian làm việc; khắc phục được tình trạng đi muộn về sớm; tinh thần trách nhiệm trong giải quyết công việc và ý thức phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức được nâng lên. Thủ tục hành chính phần lớn được giải quyết theo đúng giấy hẹn; cán bộ, công chức tiếp công dân không có thái độ hách dịch, cửa quyền trong thi hành công vụ. Trong giờ hành chính, cán bộ, công chức tập trung làm việc, nghiên cứu văn bản nâng cao chất lượng công việc được giao; không có cán bộ, công chức uống cà phê, bia, rượu, la cà quán xá, làm việc riêng trong giờ hành chính; giảm thói quen đi làm muộn, về sớm.

### **5. Cải cách tài chính công:**

Tình hình thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về việc quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

| <b>Chỉ tiêu</b>                                   | <b>Thực hiện</b> | <b>Ghi chú</b> |
|---------------------------------------------------|------------------|----------------|
| <b>1. Cấp tỉnh</b>                                |                  |                |
| - Số lượng các đơn vị đã thực hiện/tổng số đơn vị | 46/46            |                |
| - Tỷ lệ đạt                                       | 100%             |                |
| <b>2. Cấp huyện</b>                               |                  |                |
| - Số lượng các đơn vị đã thực hiện/tổng số đơn vị | 113/113          |                |
| - Tỷ lệ đạt                                       | 100%             |                |
| <b>3. Cấp xã</b>                                  |                  |                |
| - Số lượng các đơn vị đã thực hiện/tổng số đơn vị | 18/71            |                |
| - Tỷ lệ đạt                                       | 25%              |                |

Thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 14/02/2006 của Chính phủ (đối với các sự nghiệp mà các Bộ, ngành Trung ương chưa ban hành Nghị định, Thông tư hướng dẫn phân loại đơn vị sự nghiệp).

| <b>Chỉ tiêu</b>                                                      | <b>Thực hiện</b> | <b>Ghi chú</b> |
|----------------------------------------------------------------------|------------------|----------------|
| Số đơn vị đã giao tự chủ tự chịu trách nhiệm                         | 425/428          |                |
| Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động                          | 0                |                |
| Đơn vị tự bảo đảm một phần và NSNN đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động | 425              |                |

Thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ:

| <b>Chỉ tiêu</b>                                                      | <b>Thực hiện</b> | <b>Ghi chú</b> |
|----------------------------------------------------------------------|------------------|----------------|
| Số đơn vị đã giao tự chủ tự chịu trách nhiệm                         | 48/48            |                |
| Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động                          | 11               |                |
| Đơn vị tự bảo đảm một phần và NSNN đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động | 37               |                |

Thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ (Thay thế Nghị định số 115):

| <b>Chỉ tiêu</b>                              | <b>Thực hiện</b> | <b>Ghi chú</b> |
|----------------------------------------------|------------------|----------------|
| Số đơn vị đã giao tự chủ tự chịu trách nhiệm | 2/2              |                |
| Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động  | 0                |                |

|                                                                      |   |  |
|----------------------------------------------------------------------|---|--|
| Đơn vị tự bảo đảm một phần và NSNN đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động | 2 |  |
|----------------------------------------------------------------------|---|--|

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lộ trình chuyển đổi 02 đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động thành công ty cổ phần theo Quyết định số 31/2017/QĐ-TTg ngày 17/07/2017 của Thủ tướng Chính phủ gồm: Trung tâm thiết kế nông lâm nghiệp và Ban quản lý chợ Đắc Mil thuộc UBND huyện Đắc Mil.

## **6. Về hiện đại hóa nền hành chính:**

### *6.1. Ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý:*

Ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2018. Hiện tại, đơn vị đã triển khai ứng dụng CNTT vào giải quyết công việc theo hướng hiện đại, thực hiện tin học hóa các hoạt động quản lý và điều hành của Sở, hoàn thành 100% kế hoạch đề ra.

Sở Tài chính đang ứng dụng phần mềm quản lý cán bộ, công chức; phần mềm hành chính công; phần mềm quản lý văn bản iOffice; trang thông tin điện tử, hộp thư công vụ; trang bị màn hình thông báo lịch công tác, máy chủ vận hành iOffice để chỉ đạo, điều hành, phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ, quản lý theo dõi tình hình số lượng, chất lượng cán bộ, công chức tại cơ quan. Thực hiện Công văn 6957/UBND-TTĐT ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông về triển khai văn bản điện tử liên thông toàn tỉnh, Sở Tài chính đã trao đổi văn bản điện tử với UBND tỉnh và các Sở, ban, ngành qua phần mềm iOffice; áp dụng sử dụng chứng thư số, chữ ký số theo lộ trình chung của tỉnh. Hiện tại, có 100% CBCCVV sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc.

Tình hình triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Hiện nay, 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua phần mềm một cửa điện tử Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông.

Việc sử dụng và vận hành Trang thông tin điện tử: Các văn bản QPPL, TTHC về lĩnh vực tài chính, các tin tức sự kiện nổi bật về hoạt động của Sở Tài chính đã được cập nhật kịp thời nhằm đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, tham khảo của nhân dân; đang thiết lập trang chuyên mục CCHC trên Trang thông tin điện tử.

Sở Tài chính đã ban hành Văn bản đôn đốc, quán triệt đến các phòng, ban chuyên môn thuộc Sở về việc triển khai sử dụng Chữ ký số và Hệ thống phần mềm một cửa điện tử (iGate) để giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực giải quyết của Sở Tài chính tại Công văn số 1358/STC-VP ngày 19/6/2018.

Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 đối với thủ tục Cấp giấy chứng nhận Mã số đơn vị quan hệ ngân sách nhà nước đối với 168 hồ sơ, trả đúng hạn 168 hồ sơ, không có hồ sơ trễ hạn.

### *6.2. Về áp dụng ISO trong hoạt động quản lý:*

Duy trì và thường xuyên áp dụng, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 đối với hoạt động của cơ quan theo kế hoạch đã đề ra trong năm 2018.

Số lượng TTHC áp dụng hệ thống quản lý chất lượng là 77 thủ tục, 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị. Tham mưu UBND tỉnh công bố tại các Quyết định số: 1045/QĐ-UBND ngày 28/6/2016; 1268/QĐ-UBND ngày 01/8/2017; 216/QĐ-UBND ngày 06/02/2018; 760/QĐ-UBND ngày 22/5/2018.

**Danh mục HỆ THỐNG TÀI LIỆU QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2008 ÁP DỤNG TẠI SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐẮK NÔNG**

| <b>TT</b> | <b>Tên tài liệu</b>                                  | <b>Mã số</b> |
|-----------|------------------------------------------------------|--------------|
| 1         | Sổ tay chất lượng                                    | STCL         |
| 2         | Chính sách chất lượng                                | CSCL         |
| 3         | Mục tiêu chất lượng hàng năm của Sở và các Phòng     | MTCL         |
| 4         | Mô tả vị trí công việc của Ban Lãnh đạo Sở           | MTCV-BGD     |
|           | Mô tả vị trí công việc của Văn phòng Sở              | MTCV-VP      |
|           | Mô tả vị trí công việc của phòng Giá – Công Sản      | MTCV-GCS     |
|           | Mô tả vị trí công việc của Phòng TCDT                | MTCV-ĐT      |
|           | Mô tả vị trí công việc của Phòng TCDN                | MTCV-DN      |
|           | Mô tả vị trí công việc của Phòng TC-HCSN             | MTCV-HCSN    |
|           | Mô tả vị trí công việc của Phòng Ngân sách           | MTCV-DNS     |
|           | Mô tả vị trí công việc của Thanh tra Sở              | MTCV-TTr     |
| 5         | Quy trình kiểm soát tài liệu                         | QT-VP-01     |
| 6         | Quy trình kiểm soát hồ sơ                            | QT-VP-02     |
| 7         | Quy trình đánh giá chất lượng nội bộ                 | QT-VP-03     |
| 8         | Quy trình kiểm soát sự không phù hợp                 | QT-VP-04     |
| 9         | Quy trình hành động khắc phục                        | QT-VP-05     |
| 10        | Quy trình hành động phòng ngừa                       | QT-VP-06     |
| 11        | Quy trình họp xem xét của Lãnh đạo                   | QT-VP-08     |
| 12        | Quy trình xét Thi đua khen thưởng                    | QT-VP-09     |
| 13        | Quy trình thanh toán nội bộ                          | QT-VP-10     |
| 14        | Quy trình Cấp mã số đơn vị quan hệ ngân sách         | QT-NS-01     |
| 15        | Quy trình Cấp mã số dự án đầu tư                     | QT-ĐT-02     |
| 16        | Quy trình Thẩm định quyết toán vốn đầu tư XDCB thuộc | QT-ĐT-03     |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |          |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|    | nguồn vốn NSNN theo niên độ ngân sách hàng năm                                                                                                                                                                                                                                                 |          |
| 17 | Quy trình Lập, phân bổ dự toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản                                                                                                                                                                                                          | QT-DN-01 |
| 18 | Quy trình Tạm ứng kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản                                                                                                                                                                                                                       | QT-DN-02 |
| 19 | Quy trình Thanh toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản                                                                                                                                                                                                                    | QT-DN-03 |
| 20 | Quy trình Quyết toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản                                                                                                                                                                                                                    | QT-DN-04 |
| 21 | Quy trình Báo cáo định kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                      | QT-DN-05 |
| 22 | Quy trình Đề nghị hỗ trợ tiền thuê đất, thuê mặt nước                                                                                                                                                                                                                                          | QT-DN-06 |
| 23 | Quy trình Tạm ứng kinh phí đào tạo nguồn nhân lực                                                                                                                                                                                                                                              | QT-DN-07 |
| 24 | Quy trình Thanh toán kinh phí đào tạo nguồn nhân lực                                                                                                                                                                                                                                           | QT-DN-08 |
| 25 | Quy trình Tạm ứng kinh phí hỗ trợ phát triển thị trường                                                                                                                                                                                                                                        | QT-DN-09 |
| 26 | Quy trình Thanh toán kinh phí hỗ trợ phát triển thị trường                                                                                                                                                                                                                                     | QT-DN-10 |
| 27 | Quy trình Tạm ứng kinh phí hỗ trợ áp dụng khoa học công nghệ                                                                                                                                                                                                                                   | QT-DN-11 |
| 28 | Quy trình Thanh toán kinh phí hỗ trợ áp dụng khoa học công nghệ                                                                                                                                                                                                                                | QT-DN-12 |
| 29 | Quy trình Tạm ứng kinh phí hỗ trợ hạng mục xây dựng cơ bản                                                                                                                                                                                                                                     | QT-DN-13 |
| 30 | Quy trình Thanh toán kinh phí hỗ trợ hạng mục xây dựng cơ bản                                                                                                                                                                                                                                  | QT-DN-14 |
| 31 | Quy trình Thanh toán hỗ trợ chi phí vận chuyển                                                                                                                                                                                                                                                 | QT-DN-15 |
| 32 | Quy trình Cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị thuộc địa phương                                                                                                                                                                                                                       | QT-DN-16 |
| 33 | Quy trình Quyết định và công bố giá trị doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh                                                                                                                                                                                                        | QT-DN-17 |
| 34 | Quy trình Phê duyệt phương án cổ phần hóa thuộc thẩm quyền quyết định UBND cấp tỉnh                                                                                                                                                                                                            | QT-DN-18 |
| 35 | Quy trình Bổ sung vốn điều lệ cho các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con | QT-DN-19 |
| 36 | Quy trình Giải quyết TTHC Xác định giá bán tài sản gắn với đất; Giá đất tính thu tiền sử dụng đất của các đơn vị được phép chuyển mục đích sử dụng đất tại vị trí cũ (02 TTHC)                                                                                                                 | QT-CS-04 |

|    |                                                                                                                                                                                                            |          |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 37 | Quy trình Giải quyết TTHC Xác lập sở hữu Nhà nước; Điều chuyển; Chuyển nhượng; Thanh lý công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung (04 TTHC)                                                             | QT-CS-05 |
| 38 | Quy trình Giải quyết TTHC Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của các tổ chức được nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất                                                     | QT-CS-06 |
| 39 | Quy trình Giải quyết TTHC Báo cáo kê khai tài sản nhà nước; Báo cáo công khai việc quản lý, sử dụng TSNN tại các cơ quan, đơn vị được giao quản lý sử dụng tài sản nhà nước (02 TTHC)                      | QT-CS-07 |
| 40 | Quy trình Giải quyết TTHC Báo cáo kê khai, kiểm tra, lập phương án xử lý đất, tài sản gắn liền với đất tại vị trí cũ của đơn vị thực hiện di dời                                                           | QT-CS-08 |
| 41 | Quy trình Giải quyết TTHC Xác lập quyền sở hữu nhà nước đối với tài sản nhận chuyển giao                                                                                                                   | QT-CS-09 |
| 42 | Quy trình Giải quyết các TTHC thuộc lĩnh vực quản lý Công sản khác (13 TTHC)                                                                                                                               | QT-CS-10 |
| 43 | Điều chuyển tài sản là hệ thống điện được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước sang ngành điện quản lý                                                                                                             | QT-CS-12 |
| 44 | Hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội                                              | QT-CS-13 |
| 45 | Quyết định mua sắm, thuê tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh (02 thủ tục).                       | QT-CS-14 |
| 46 | Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.                                               | QT-CS-15 |
| 47 | Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư                                                                                                                  | QT-CS-16 |
| 48 | Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.                           | QT-CS-17 |
| 49 | Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. | QT-CS-18 |
| 50 | Quyết định điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh (04 thủ tục).                                                                                                  | QT-CS-19 |
| 51 | Quyết định bán và hủy bỏ Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ thuộc                                  | QT-CS-20 |

|    |                                                                                                                                                        |            |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|    | thẩm quyền của UBND tỉnh (02 thủ tục).                                                                                                                 |            |
| 52 | Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.                                                     | QT-CS-21   |
| 53 | Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công.                                                                                           | QT-CS-22   |
| 54 | Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê.                                                  | QT-CS-23   |
| 55 | Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết.                                                  | QT-CS-24   |
| 56 | Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.                                                | QT-CS-25   |
| 57 | Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. | QT-CS-26   |
| 58 | Mua quyền và mua lẻ hóa đơn                                                                                                                            | QT-CS-27   |
| 59 | Quy trình Giải quyết TTHC Đăng ký giá; Kê khai giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi Sở Tài chính (02 TTHC)                                           | QT-QLG-01  |
| 60 | Quy trình Giải quyết TTHC Quyết định giá thuộc thẩm quyền của Sở Tài chính                                                                             | QT-QLG-02  |
| 61 | Quy trình Giải quyết TTHC Hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền của Sở Tài chính                                                  | QT-QLG-03  |
| 62 | Quy trình Giải quyết TTHC Lập phương án giá tiêu thụ, mức trợ giá                                                                                      | QT-QLG-04  |
| 63 | Quy trình thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu                                                                                                         | QT-TTra-01 |
| 64 | Quy trình thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai                                                                                                         | QT-TTra-02 |
| 65 | Quy trình thủ tục giải quyết tố cáo                                                                                                                    | QT-TTra-03 |
| 66 | Quy trình thủ tục Tiếp công dân                                                                                                                        | QT-TTra-04 |
| 67 | Quy trình thủ tục Xử lý đơn thư                                                                                                                        | QT-TTra-05 |
|    | Tổng số : 67 Quy trình                                                                                                                                 |            |

### **III. Kết quả thực hiện theo Kế hoạch CCHC của Ban chỉ đạo CCHC tỉnh:**

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Kế hoạch số 253/KH-BCĐCCHC ngày 11/5/2017 của Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh, ban hành kế hoạch hoạt động năm 2017 và những năm tiếp theo, Sở Tài chính đã tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ kinh phí cho Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện công tác CCHC hàng năm trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo hoạt động cải cách hành chính có hiệu quả, hiệu lực.

### **IV. Kết quả thực hiện theo Kế hoạch Nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) của tỉnh và đơn vị:**

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Kế hoạch số 1274/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 của UBND tỉnh, về việc ban hành Kế hoạch hành động nâng cao Chỉ số

hiệu quả Quản trị và Hành chính công tỉnh giai đoạn 2016-2020, Sở Tài chính đã xây dựng Kế hoạch số 1296/KH-STC ngày 01/8/2016, về ban hành Kế hoạch cải thiện chỉ số PAPI giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch cải thiện chỉ số PAPI năm 2018 của Sở Tài chính (kèm theo Công văn số 1926/STC-VP ngày 28/9/2017). Trong đó, giao Văn phòng Sở chủ trì, phối hợp với các phòng, ban thuộc Sở theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các giải pháp nâng cao chỉ số PAPI của Sở; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện (lồng ghéo trong báo cáo cải cách hành chính định kỳ) về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) theo quy định. Kết quả đạt được như sau:

#### *1. Tham gia của người dân ở cấp cơ sở:*

Đã thiết lập hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị về quy định hành chính. Hàng năm, triển khai khảo sát ý kiến của người dân, doanh nghiệp đối với cán bộ, công chức trong thực thi công vụ. Thông báo đường dây nóng để tiếp nhận ý kiến của người dân, doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực Tài chính.

#### *2. Công khai, minh bạch:*

Công khai minh bạch đầy đủ 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị trên Trang thông tin điện tử, trụ sở làm việc của Sở Tài chính, phần mềm điện tử tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương hàng Quý theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

#### *3. Trách nhiệm giải trình với người dân:*

Từ đầu năm đến nay, Sở đã tiếp nhận 04 đơn thư, trong đó đã thụ lý giải quyết 01 đơn tố cáo của Hội Người mù tỉnh; 03 đơn thư còn lại không thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính. Đơn vị đã xử lý, giải quyết đúng trình tự thủ tục theo quy định và hiện nay không có đơn thư tồn đọng. Lãnh đạo Sở thực hiện đúng quy định của pháp luật về phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

#### *4. Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công:*

Để thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Kế hoạch số 36-KH/TU ngày 09/02/2017 của Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí”; Sở Tài chính thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật và các văn bản có liên quan về phòng, chống tham nhũng bằng nhiều hình thức để cán bộ, công chức biết, thực hiện và người dân giám sát việc thực hiện góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng tại địa phương.

#### *5. Thủ tục hành chính công:*

Hiện nay, có 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính được thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua phần mềm một cửa điện tử Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông.

#### **V. Đánh giá chung:**

Trong năm 2018, công tác cải cách hành chính tại Sở Tài chính tiếp tục được Lãnh đạo cơ quan quan tâm chỉ đạo thực hiện; việc ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện công tác CCHC kịp thời tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức của cán bộ, công chức; cán bộ, công chức luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc; sự phối hợp giữa các phòng, đơn vị được chặt chẽ. Tổ chức, công dân đến liên hệ công tác đều thỏa mãn, không có ý kiến phàn nàn. Chế độ thông tin, báo cáo kết quả công tác CCHC được thực hiện kịp thời đúng quy định. Bên cạnh những kết quả đã nêu, một số hạn chế trong triển khai nhiệm vụ đó là vấn đề kinh phí đảm bảo cho công tác CCHC còn thấp; số lượng TTHC được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3 và 4 chiếm tỷ lệ chưa cao.

#### **VI. Phương hướng, nhiệm vụ công tác trong năm 2018:**

1. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch Cải cách hành chính tỉnh Đắk Nông năm 2018; thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan trong thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo đúng quy định tại Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Nông.

2. Nâng cao chất lượng xây dựng, góp ý ban hành văn bản quy phạm pháp luật; thường xuyên kiểm tra, rà soát, lập danh mục văn bản QPPL đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và ban hành mới phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương.

3. Tiếp tục công bố kịp thời các thủ tục hành chính; cập nhật thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bổ sung lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; niêm yết công khai kịp thời Bộ thủ tục hành bằng nhiều hình thức; rà soát, đơn giản hóa TTHC theo quy định.

4. Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn thuộc Sở để tránh chồng chéo, trùng lặp; điều chỉnh, bổ sung bảng mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm cho phù hợp.

5. Bố trí công chức đúng vị trí nhu cầu công việc, phù hợp với năng lực, trình độ, sở trường công tác. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng CBCC; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu theo vị trí việc làm. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức để phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với cán bộ, công chức vi phạm.

6. Duy trì và thực hiện có hiệu quả kinh phí quản lý hành chính và chi tiêu nội bộ ở cơ quan, đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí, chi tăng thu nhập cho cán bộ, công chức.

7. Tiếp tục thực hiện đổi mới nền hành chính theo chỉ đạo của tỉnh; đảm bảo hạ tầng máy chủ để triển khai các phần mềm quản lý có hiệu quả trong cơ quan.

Duy trì việc thực hiện áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của đơn vị.

## **VII. Kiến nghị, đề xuất**

- Kiến nghị, đề xuất đối với Bộ, ngành, Trung ương:

+ Đề nghị các Bộ chủ quản ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện các Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý theo hướng dẫn tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP (đối với các lĩnh vực chưa ban hành). Đồng thời ban hành các tiêu chí cơ bản để làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ để địa phương có cơ sở để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc.

+ Đề nghị tính toán đưa ra định mức phân bổ dự toán, biên chế cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị, tương xứng với nhiệm vụ được giao, ưu tiên cho các địa phương còn khó khăn, địa phương có địa bàn quản lý hành chính rộng nhưng dân cư thưa thớt.

- Kiến nghị đề xuất đối với UBND tỉnh:

+ Chỉ đạo các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã khẩn trương xây dựng phương án phân loại đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.

+ Phê duyệt Đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh làm cơ sở để xác định số lượng biên chế và mức độ tự chủ về tài chính của các đơn vị SNCL.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019 của Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông./.

### ***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh(b/c)
- Sở Nội vụ;
- Ban Giám đốc;
- Các phòng CM thuộc Sở;
- Lưu: VT,VP(L).

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phụ lục 2**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG NĂM 2018**  
**(Từ ngày 01/01/2018 đến 13/11/2018)**  
*(Kèm theo Báo cáo số 216 /BC-STC ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông)*

| Stt | Tên cơ quan đơn vị | Tổng số TTHC                                  | Số hồ sơ  |               | Số hồ sơ đã giải quyết |          |         | Số hồ sơ đang giải quyết |        |          |           |         | Số hồ sơ chưa hợp lệ trả lại | Ghi chú |
|-----|--------------------|-----------------------------------------------|-----------|---------------|------------------------|----------|---------|--------------------------|--------|----------|-----------|---------|------------------------------|---------|
|     |                    |                                               | Tồn trước | Tiếp nhận mới | Trước hạn              | Đúng hạn | Trễ hạn | %                        | Đã trả | Chưa trả | Trong hạn | Quá hạn |                              |         |
|     |                    | TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa            |           | 460           |                        | 433      | 27      |                          |        |          |           |         |                              |         |
|     |                    | TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông |           |               |                        |          |         |                          |        |          |           |         |                              |         |
| 1   | Sở Tài chính       | 74                                            |           | 460           |                        | 433      | 27      |                          |        |          |           |         |                              |         |
|     |                    |                                               |           |               |                        |          |         |                          |        |          |           |         |                              |         |
|     |                    |                                               |           |               |                        |          |         |                          |        |          |           |         |                              |         |
|     |                    |                                               |           |               |                        |          |         |                          |        |          |           |         |                              |         |
|     |                    |                                               |           |               |                        |          |         |                          |        |          |           |         |                              |         |
|     |                    |                                               |           |               |                        |          |         |                          |        |          |           |         |                              |         |

Ghi chú: 27 Hồ sơ trễ hạn, trong đó: 15 hồ sơ trễ hạn do lỗi phần mềm đã được khắc phục (trả hồ sơ bằng văn bản giấy đúng hạn).  
12 hồ sơ trễ hạn: đã có thư xin lỗi